

Số: 10/BC-THTK

Thanh Hà, ngày 22 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Thanh Khê - xã Thanh Hà - thành phố Hải Phòng

2. Địa chỉ cơ sở giáo dục:

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Lão - xã Thanh Hà- TP Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: ththanhkhe.thanhha@haiphong.edu.vn

Trang thông tin điện tử (Website): th-ththanhkhe.tphp.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Trường tiểu học Thanh Khê là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu. Cơ quan quản lý: UBND xã Thanh Hà, ngành dọc thuộc Sở GD&ĐT Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng:

Xây dựng chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thanh Khê nhằm tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong cuộc sống.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn và mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo để có chất lượng giáo dục vững chắc, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn:

Phấn đấu đến năm 2030, Trường Tiểu học Thanh Khê phấn đấu trường có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế

phát triển của xã hội và là một trong những trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng cống hiến và vươn tới đỉnh cao của tri thức.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1 Mục tiêu phát triển giáo dục

+ 100% HS hoàn thành CT môn học và HĐGD, Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình bậc Tiểu học 100%.

+ Tỷ lệ học sinh được khen thưởng hàng năm đạt 55%.

+ HS năng khiếu các cấp đạt ít nhất 02giải/năm vào năm 2025 và đạt ít nhất 05 giải/năm vào năm 2026 trở đi.

- Chất lượng GD đạo đức, kỹ năng sống:

+ Phẩm chất, năng lực: 100% mức Đạt trở lên.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản như ứng xử, giao tiếp, lễ phép, vâng lời, phục vụ và tự phục vụ, tôn trọng các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện.

Củng cố và giữ vững chất lượng trường Chuẩn QG MĐ 2, KĐCL cấp độ 3, PCGDTH mức độ 3.

4.3.2. Mục tiêu về đội ngũ

- *Cán bộ quản lý:* Có kỹ năng ứng dụng CNTT, ngoại ngữ, tiếp cận và ứng dụng chuyên đổi số trong quản lý. Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng hàng năm đều được xếp loại Tốt trở lên.

- *Giáo viên:*

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý được nâng cao, 100% giáo viên và nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 5% CB, GV, NV đạt trên chuẩn về trình độ.

- Trên 90% cán bộ giáo viên nhân viên sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác.

- Số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin trên 50%; tối thiểu 1 chuyên đề/GV/năm hoặc 1 sáng kiến/GV/năm.

- Có 100 % cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ Đại học.

Phấn đấu 100% giáo viên đạt GVĐG cấp trường, trong đó cấp xã 60%, cấp thành phố khoảng 10%.

100% đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Đạt trở lên, trong đó có 40% xếp loại Khá và Tốt;

Có 100% GV sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, đến năm 2030 có 25% GV

biết sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp.

- *Nhân viên*: 100% NV có trình độ đại học, có kỹ năng sử dụng thành thạo máy móc, phương tiện CNTT tiếp cận và ứng dụng chuyển đổi số trong công tác.

4.3.3. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

- Xây dựng trường đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa đáp ứng tốt nhất yêu cầu đổi mới của CTGDPT 2018. Cụ thể:

- Sắp xếp, tham mưu bổ sung diện tích, cải tạo có sân chơi bãi tập cho học sinh.

- Xây mới dãy nhà lớp học 3 tầng 12 phòng (có khu vệ sinh liền kề) thay thế dãy nhà lớp học 2 tầng 10 phòng xây dựng năm 1998 để đảm bảo đủ các phòng chức năng còn thiếu và mở rộng diện tích các phòng học đảm bảo theo quy định.

- Nâng cấp bãi tập thành sân tập có mái che. Bổ sung thêm các thiết bị khu vệ sinh học sinh.

- Mua sắm trang bị các thiết bị phục vụ dạy học và làm việc đầy đủ đạt chuẩn.

- Các phòng tin học, sân tập, nhà đa năng, khu vệ sinh học sinh được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại; thư viện được công nhận mức độ II.

- Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “ Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “Xanh - Sạch - Đẹp” môi trường sư phạm lành mạnh bên trong và xung quanh nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Thanh Khê hiện nay là tiền thân của trường phổ thông cấp I - II xã Thanh Khê (thành lập năm 1957), được tách ra từ trường cấp I - II năm 1995.

Trường đóng ở thôn An Lão, xã Thanh Hà. Trải qua hơn 31 năm xây dựng và trưởng thành, cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển. Năm học 2015 - 2016, trường được UBND tỉnh Hải Dương kiểm tra và có Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 công nhận trường Tiểu học Thanh Khê đạt Chuẩn quốc gia mức độ I.

Năm học 2019 - 2020, UBND tỉnh Hải Dương kiểm tra công nhận lại Chuẩn quốc gia mức độ I sau năm 5 và đã đủ các điều kiện công nhận trường tiểu học Thanh Khê đạt Chuẩn quốc gia mức độ II (Quyết định số 2215/QĐ-

UBND ngày 04/8/2020); Kiểm định chất lượng cấp độ 3 (Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/8/2020)

Năm học 2024 - 2025, UBND tỉnh Hải Dương kiểm tra công nhận lại nhà trường giữ vững Trường chuẩn Quốc gia mức 2, đạt kiểm định cấp độ 3.

6. Thông tin người đại diện:

- Hiệu trưởng: Hoàng Thị Hoan Số điện thoại: 0976295132

Địa chỉ thư điện tử: dungvan396@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) *Quyết định thành lập:*

b) *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;*

Hội đồng trường Tiểu học Thanh Khê nhiệm kỳ 2024 - 2029 được thành lập theo Quyết định số 156/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Hà. Hội đồng trường gồm có 09 thành viên. Đồng chí Hoàng Thị Hoan - Hiệu trưởng nhà trường được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường. Các Hội đồng thi đua, khen thưởng. Thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.

c) *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;*

- Hiệu trưởng: Hoàng Thị Hoan

Ngày tháng năm sinh: 23/7/1975

Bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm lại đối với cán bộ quản lý trường học.

- Phó Hiệu trưởng: Cao Thị Hồng Minh

Ngày tháng năm sinh: 04/12/1975

Bổ nhiệm lại theo Quyết định số 4041/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 08 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà về việc điều động và bổ nhiệm đối với cán bộ quản lý trường học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Tổng số CBGV,NV có mặt đến thời điểm 24/5/2026: 27 (nữ: 24), biên chế: 25, hợp đồng: 02 (02 hợp đồng theo Nghị định 111); Trong đó CBQL 02 đều là nữ, nhân viên 03 (nữ: 02), GV 21 (nữ: 19); Tỷ lệ giáo viên: 1,46/lớp.

Cơ cấu có đủ loại hình GV. Trong đó: AN: 01; MT: 01; TD: 01; TA: 02; Tin học: 01.

Trình độ đào tạo: Đại học 27/27 đạt 100%

b. Số lượng, tỷ lệ GV, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

100% CBGV đạt Chuẩn nghề nghiệp. Trong đó: 12/23 CBGV đạt mức Tốt, chiếm tỷ lệ: 52%; 11/23 CBGV đạt mức Khá, tỷ lệ 48%; Riêng Hiệu trưởng nhà trường đang chờ cấp trên đánh giá.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

100% CBGV,NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích khuôn viên của trường là 5697m², đạt bình quân 11,5 m²/HS, đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục, Bộ Y tế.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng học kiên cố: 19 phòng (15 phòng học văn hóa, 04 phòng bộ môn: Tiếng Anh, Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc)

Nhà đa năng: 01 (Diện tích: 450m²)

Phòng làm việc hành chính: 6 phòng

Phòng thư viện, thiết bị: 3 phòng (2 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị)

Bàn ghế HS: 390 bộ; Bàn ghế GV và bàn ghế văn phòng đầy đủ.

Công trình phụ trợ: Nhà xe GV: 01; Nhà xe HS: 02; Công trình vệ sinh: 5.

Nhà trường có sân chơi với tổng diện tích 2000m², đạt 4m²/HS. Sân chơi được lát gạch đỏ bằng phẳng, an toàn với hệ thống bồn hoa, cây cảnh, có cây bóng mát và hệ thống ghế đá để học sinh vui chơi, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Sân tập TDTT với tổng diện tích 300m², đạt 0.6m²/HS.

Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

100% các lớp đều có ti vi kết nối Internet. Số thiết bị dạy học tối thiểu mới đáp ứng được 20% theo Danh mục TBDH tối thiểu theo CTGDPT mới 2018

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường sử dụng bộ sách Cánh diều để dạy và học ở cả 5 khối lớp. Riêng bộ môn Mĩ thuật lớp 1 sử dụng bộ sách Vì sự bình đẳng trong giáo dục; lớp 2,3,4 sử dụng bộ sách Chân trời sáng tạo; lớp 5 sử dụng bộ sách Cánh diều.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Nhà trường đã hoàn thành các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ 2; được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. Nhà trường đã hoàn thành các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ 2; được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ 2 sau 5 năm vào tháng 7/2025. Đạt kế hoạch đề ra.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh:

- **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

- **Hình thức tuyển sinh:** Trực tiếp

- **Đối tượng tuyển sinh**

Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2019)

- **Chỉ tiêu tuyển sinh**

Số lớp: 03 lớp.

Số học sinh: 86 học sinh.

- **Địa bàn tuyển sinh**

+ Tuyển sinh học sinh trên địa bàn xã quản lý.

2. Số lượng học sinh

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	KT HN	Dân tộc thiểu số	Số HS học 2 buổi/ngày	Tỉ lệ HS/lớp	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến
I	3	87	52			87	29		1
II	3	97	42	1	1	97	32.3		1
III	3	102	52	1	1	102	34		
IV	3	98	42		1	98	32.6		1
V	3	109	51			109	36.3		
Tổng	15	493	239	2	3	493	32.8		3

3. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

(Có phụ lục kèm theo)

4. thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Học sinh được lên lớp: 462/465 em đạt 99,4%

Học sinh chưa được lên lớp: 05/465 em chiếm 0,6% (3 học sinh lớp 1)

Học sinh này được rèn luyện lại để kiểm tra lần 2 vào tháng 8/2026.

5. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp học, bậc học.

Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 462/465 em đạt 99,4%

Học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học: 3/465 em chiếm 0,6% (3 học sinh lớp 1)

Học sinh hoàn thành CTTH: 122/122em đạt 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính 2025 báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

+ **Nguồn kinh phí nhà nước cấp năm 2025: 6.712.154.322 đồng**

Trong đó:

- Nguồn kinh dự toán thường xuyên: 5.897.224.000 đồng.

- Nguồn không thường xuyên: 814.930.322 đồng.

+ Chuyển nguồn tăng cường CSVC sang năm 2025 : 40.000.000 đồng.

+ Bổ sung kinh phí các đơn vị thuộc ngành GD khắc phục thiệt hại cơn bão số 3: 125.000.000 đồng

+ Bổ sung kinh phí chi trả giáo viên trực tiếp dạy học sinh khuyết tật là 62.780.322 đồng.

+ Bổ sung kinh phí chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo và khuyết tật là: 3.450.000 đồng.

+ Bổ sung nguồn kinh phí cấp bổ sung mua sắm, sửa chữa CSVC: 300.000.000 đồng

+ Bổ sung nguồn kinh phí cấp về thực hiện chế độ thưởng của nghị định 73/2024/NĐ –CP là: 283.700.000 đồng.

+ **Kinh phí thu từ học sinh năm học 2025 - 2026 là: 2.207.133.435 đồng.**

b) Các khoản chi phân theo:

+ **Tiền ngân sách nhà nước cấp: 6.712.154.322 đồng**

- Tổng chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, tiền làm thêm giờ, hỗ trợ chi phí học tập, tiền thưởng các khoản chi cá nhân khác : 5.896.577.347 đồng

- Tổng chi tiền điện thắp sáng, tiền nước sinh hoạt, văn phòng phẩm, tiền mạng, công tác phí, công bảo vệ, sách báo thư viện, mua sắm phần mềm, tiền nước uống cho học sinh.....: 815.576.975 đồng

+ **Chi tiền thu từ học sinh năm học 2025 - 2026: 2.194.826.321 đồng**

Trong đó:

- Chi tiền bảo hiểm y tế học sinh từ lớp 1 - 5 : 306.054.450 đồng (631.800 đồng/HS/năm)

- Chi tiền vệ sinh là: 27.440.000 đồng. (Thu 14.000 đồng/HS/tháng)

- Chi tiền ăn bán trú là: 982.458.000 đồng (Thu 18.000 đồng/HS/bữa chính)

- Chi tiền phụ phí bán trú: 108.345.385 đồng (Thu 40.000 đồng/HS/tháng)

- Chi tiền phục vụ bán trú: 380.625.600 đồng (Thu 140.000 đồng/HS/tháng)

- Chi tiền CSVC bán trú: 14.200.000 đồng. (Thu 200.000đ/1HS/1 năm /1HS đầu vào)

- Chi tiền Kỹ năng sống: 187.050.000 đồng (Thu 12.000đ/1HS/1 tiết)

- Chi tiền trông giữ xe đạp: 8.350.000 đồng. (Thu 10.000đ/1HS/1 tháng)

- Chi tiền nước uống học sinh: 22.140.000 đồng. (Thu 9.000đ/1HS/1 tháng)

- Chi tiền CSVC 2 buổi/ngày: 61.282.886 đồng. (Thu 30.000đ/1HS/1 tháng)

- Chi tiền trông học sinh ngoài giờ: 96.880.000 đồng (Thu 10.000đ/1HS/1 tiếng)

VII. THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Tập thể nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Duy trì nền nếp, kỷ cương, môi trường giáo dục an toàn, thân thiện.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM HỌC 2026 - 2027

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.

Xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn.

Duy trì vững chắc trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2026 của trường Tiểu học Thanh Khê./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Hoàng Thị Hoan